

CÔNG KHAI QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN DƯỚI VÀ TÀI SẢN KHÁC
NĂM 2016

Stt	Danh mục phương tiện di lại và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số chỗ ngồi/ tài trọng, công suất hoặc ký hiệu tài sản	Năm sử dụng	Giá trị theo sổ sách kế toán đến thời điểm báo cáo (ngàn đồng)			Hiện trạng bố trí sử dụng (đề nghị đánh dấu X)	Tình hình sử dụng trong kỳ báo cáo			Ghi chú		
				Nguyên giá		Giá trị còn lại		Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ HD đặc thù		Sử dụng khác	Số sản phẩm đã phục vụ (tính đến thời điểm báo cáo)
5	6	7	8	9	10		11				12		
I	Phương tiện di lại			2.424.477,645		570.130.000							
1	Ô tô Toyota Fortuner 2.7V	29A-001.37	2012	1.140.260.000		570.130.000		X					Mua mới
2	Ô tô Land Cruiser	31A-4468	2000	1.284.217.645		0		X				71.079	Điều chuyển
II	Tài sản cố định khác			1.406.379,000		118.927,875							
1	Máy tính để bàn Hp Compact presario	21	2012	313.698.000		-		X					Mua mới
2	Máy tính xách tay Sony Vaio	4	2012	169.400.000		-		X					Mua mới
3	Máy photocopy Konica Minolta	1	2012	168.520.000		63.195.000		X					Mua mới
4	Máy in laser A4 Brother	4	2012	61.160.000		-		X					Mua mới
5	Máy fax Brother	1	2012	8.250.000		-		X					Mua mới
6	Máy chiếu Sanyo	1	2012	41.360.000		-		X					Mua mới
7	Màn chiếu điện Dalite	1	2012	8.910.000		3.341.250		X					Mua mới
8	Màn chiếu di động Dalite	1	2012	5.720.000		2.145.000		X					Mua mới
9	Máy chụp ảnh kỹ thuật số Canon	1	2012	43.780.000		-		X					Mua mới
10	Máy Quay Camera Sony	1	2012	51.590.000		-		X					Mua mới
11	Bàn giám đốc Fami	1	2012	12.386.000		4.644.750		X					Mua mới

12	Bàn họp	1	2012	36.960.000	13.860.000		x					Mua mới
13	Vách ngăn làm việc Fami	30	2012	70.950.000	26.606.250		x					Mua mới
14	Kết sắt Hòa Phát	1	2012	13.695.000	5.135.625		x					Mua mới
15	Phần mềm kế toán	1		400.000.000	-		x					Mua mới
	Tổng cộng I + II			3.830.856.645	689.057.875		x					Mua mới

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Lê Hồng Vân

Ghi chú: Biểu dùng cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện công khai tại đơn vị.

Ngày 10 tháng 5 năm 2017
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)



Trần Văn Lam

Ghi chú:

- Cột 2: Phần I Phương tiện di lại: Ví dụ kê khai Xe Toyota Camry; biển KS 31A 3029.
- Cột 11 "Sử dụng khác": Ghi rõ thực tế đang sử dụng phục vụ đối tượng nào, nhằm mục đích gì.
- Cột 12 "Số sản phẩm đã phục vụ": Đối với xe ô tô: là số km đã chạy; đối với tài sản khác: ví dụ tài sản khác là máy photo: số sản phẩm đã phục vụ là số trang tài liệu máy đã sao chụp được.
- Cột 13 "Tổng số nguyên nhiên vật liệu đã sử dụng (tính hợp kg)": đối với xe ô tô là bao nhiêu lít xăng; đối với tài sản khác: ví dụ đối với tài sản là máy photo: nguyên nhiên vật liệu là đã sử dụng bao nhiêu hộp mực.
- Cột 14 "Ghi chú": Ghi rõ tài sản được hình thành do mua sắm hay tiếp nhận và Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **1245** /BNN-KH

V/v: Giao kế hoạch vốn
đầu tư phát triển năm 2016

Hà Nội, ngày **24** tháng 02 năm 2016

Kính gửi: Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc.

Căn cứ quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ văn bản số 801/BNN-KH ngày 28/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2016.

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Bộ Nông nghiệp và PTNT giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 với các nội dung như sau:

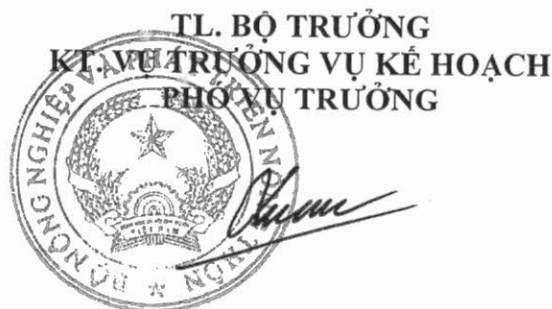
- 1/ Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc
- 2/ Địa điểm xây dựng: Hà Nội
- 3/ Địa điểm mở tài khoản: Kho bạc NN Trung ương.
- 4/ Thời gian chuẩn bị - hoàn thành: 2011-2017.
- 5/ Mục tiêu: thực hiện tư vấn, đào tạo, giám sát, quản lý dự án.
- 6/ Kế hoạch vốn đầu tư năm 2016:

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu vốn	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện hết năm 2015	Kế hoạch năm 2016
Tổng số: Trong đó		229.803	157.050	23.200
1. Vốn nước ngoài		205.171		12.600
2. Vốn trong nước	7300242	24.632		10.600
<i>Trong đó thu hồi vốn ứng trước</i>				8.600

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để b/c);
- Bộ TC (Vụ ĐT);
- Bộ KH&ĐT (Vụ KTNN);
- Kho bạc nhà nước TW;
- Vụ TC; Ban CPO NN;
- Lưu: VT, KH(10).



Đào Quốc Luân

Số: **3216** /QĐ-DANN-KHKT

Hà Nội, ngày **28** tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch giải ngân năm 2016 phần kinh phí do Ban quản lý Trung ương Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc” thực hiện

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 3241/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp; Quyết định số 1057/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/04/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 108/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp;

Căn cứ Hiệp định Tín dụng phát triển, khoản vay số 2682-2683 VIE (SF) ngày 23/02/2011 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ văn bản số 1245/BNN-KH ngày 24/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 cho Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-DANN-KHKT ngày 4/4/2016 của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch vốn năm 2016 phần do Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện;

Xét tờ trình số 35/TTr-HTMN ngày 26/12/2016 của Giám đốc Ban quản lý Trung ương về điều chỉnh vốn Kế hoạch năm 2016 phần do Ban quản lý Trung

PHỤ LỤC:
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN NĂM 2016 PHẦN KINH PHÍ DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN BỀN VỮNG CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số 3216/QĐ-DANN-KHKT ngày 28/12/2016)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục chi tiêu	Kế hoạch vốn 2016			Dự kiến giải ngân hết năm 2016			Kế hoạch điều chỉnh vốn 2016			Tăng (+)/Giảm (-)		
		Tổng	ADB	Đối ứng Ngân sách TW	Tổng	ADB	Đối ứng Ngân sách TW	Tổng	ADB	Đối ứng Ngân sách TW	Tổng	ADB	Đối ứng Ngân sách TW
A	Chi quản lý dự án	3.800	3.127	673	3.515	2.907	608	3.515	2.907	608	-285	-220	-65
B	Chi thực hiện dự án	10.800	9.473	1.327	3.285	2.593	692	3.785	2.593	1.192	-7.015	-6.880	-135
1	Tư vấn điều tra hiện trạng	2.089	1.719	370	0			0			-2.089	-1.719	-370
2	Kiểm toán dự toán	484	399	85	484	399	85	484	399	85	0	0	0
3	Tư vấn giám sát chính sách an toàn	1.157	952	205	746	614	132	746	614	132	-411	-338	-73
4	Đào tạo, Hội nghị, Hội thảo	100	90	10	97	93	4	97	93	4	-3	3	-6
5	Tư vấn Quốc tế	6.470	6.313	157	1.525	1.487	38	1.525	1.487	38	-4.945	-4.826	-119
6	Phí chuyển tiền	200		200	136		136	240		240	40	0	40
7	Xây dựng tiêu chuẩn tưới tiết kiệm nước cho cây chuối khu vực miền núi phía Bắc	300		300	297		297	693		693	393	0	393
	Tổng cộng (A+B)	14.600	12.600	2.000	6.800	5.500	1.300	7.300	5.500	1.800	-7.300	-7.100	-200